

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2024/HS-ST

Ngày: 04-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn

Ông Giáp Văn Phẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 và 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn H**, sinh ngày 24 tháng 01 năm 1986; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 2/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn D và bà Triệu Thị T; Có vợ là Phùng Thị V và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến 22/02/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

2. Họ và tên: **Vi Văn B**, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1989; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn K (đã chết) và bà Lâm Thị C; Có vợ là Vi Thị T1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 16/02/2024 đến 22/02/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

3. Họ và tên: **Triệu Văn C1**, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1991; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Văn N (đã chết) và bà Nông Thị S; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

4. Họ và tên: **Lầu Văn B1**, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1993; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lầu Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3; Có vợ là Triệu Thị Q và 03 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 63/2014/HSST ngày 10/4/2014 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt Lầu Văn B1 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Lầu Văn B1 chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2015, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung ngày 06/6/2014. Tính đến thời điểm phạm tội này đã được xóa án tích.

Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 16/02/2024 đến 22/02/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

5. Họ và tên: **Lăng Trung D1**, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1992; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Sán diu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lăng Trung N1 và bà Nguyễn Thị B2; Có vợ là Nguyễn Thị T4 và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 66/2016/HSPT ngày 05/4/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Lăng Trung D1 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Lăng Trung D1 chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2017, chấp hành xong án phí, tiền phạt bổ sung ngày 20/6/2016. Tính đến thời điểm phạm tội này đã được xóa án tích.

Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

6. Họ và tên: **Hoàng Văn S1**, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1993; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T5 (đã chết) và bà Hoàng Thị N2; Có vợ là Nguyễn Thị N3 (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 16/02/2024 đến

22/02/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

7. Họ và tên: **Lục Văn Đ**, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1989; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lục Văn T6 và bà Nguyễn Thị K1; Có vợ là Hoàng Thị L và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 16/02/2024 đến 22/02/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

8. Họ và tên: **Hoàng Văn C2**, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2001; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Tày (Phén); Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn X và bà Tân Thị H1; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

9. Họ và tên: **Hoàng Ngọc H2**, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2000; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn P và bà Bùi Thị H3; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 16/02/2024 đến 22/02/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

10. Họ và tên: **Nguyễn Văn C3**, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1983; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P1 (đã chết) và bà Ngô Thị L1; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

11. Họ và tên: **Hoàng Văn N4**, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1994; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T7 và bà Đinh Thị Q1; Có vợ là Hoàng Thị K2 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

12. Họ và tên: **Lầu Mạnh P2**, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1978; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12;

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lầu Văn M (đã chết) và bà Hoàng Thị N5 (đã chết); Có vợ là Vi Thị S2 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phùng Văn S3, sinh năm 1968 (vắng mặt);
2. Anh Nông Văn M1, sinh năm 1994 (vắng mặt);
3. Anh Vi Văn C4, sinh năm 1982 (vắng mặt);
4. Anh Vi Văn S4, sinh năm 1986 (vắng mặt);
5. Anh Triệu Văn C5, sinh năm 1983 (vắng mặt);
6. Anh Vi Văn Đ1, sinh năm 1992 (vắng mặt);
7. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1983 (vắng mặt);
8. Anh Vy Văn C6, sinh năm 1988 (vắng mặt);
9. Hoàng Văn Q2, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Đều cư trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người làm chứng:

1. Anh Lầu Văn T8, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Vi Văn P3, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Triệu Văn C7, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Nơi thường trú: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi tạm trú: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 16/02/2024 tại Nhà văn hoá thôn X, xã B, huyện L, nhân dân thôn Xé Khuyên tổ chức liên hoan chúc mừng đội bóng của thôn đạt giải Nhì trong giải bóng đá do xã B tổ chức. Khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi ăn liên hoan xong, một số người đã rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh Xóc đĩa và đánh L3 được thua bằng tiền tại N6. Cụ thể:

Những người tham gia đánh Xóc đĩa được thua bằng tiền gồm: Nông Văn H, Vi Văn B, Triệu Văn C1, Lầu Văn B1, Lục Văn Đ, Hoàng Văn S1, Hoàng Ngọc H2, Lăng Trung D1, Lầu M, Hoàng Văn N4, Hoàng Văn C2, Nguyễn Văn C3, Vi Văn

C8. Trước khi đánh bạc thì H rủ B và C1 mỗi người góp 1.000.000 đồng để chung tiền làm nhà cái, sau khi đánh bạc xong thì sẽ chia đều số tiền thu lợi được từ việc đánh bạc. B và C1 đồng ý và mỗi người đã đưa cho H số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó B lấy 01 đoạn tre khô ở bờ rào chẻ thành 6 mảnh tre khô hình vuông có kích thước khoảng (01x01)cm rồi dùng lửa hơ một mặt thành màu đen, một mặt để nguyên dạng để làm quân vị; H lấy 01 bát, 01 đĩa bằng sứ màu trắng ở sân mang vào trong nhà văn hoá để làm công cụ đánh bạc, còn 01 bảng vị được làm từ 01 tờ bìa cát tông, kẻ thành 04 ô nhưng không rõ ai là người làm. Sau khi chuẩn bị xong công cụ đánh bạc xong thì các đối tượng cùng ngồi xuống chiếu được trải sẵn trong nhà Văn hóa để đánh bạc. Khi đánh bạc, H là người xóc cái, C1 ngồi cạnh H để xem, B cầm bảng vị và có nhiệm vụ thu tiền của bên thua, trả cho bên thắng. Những người còn lại gồm B1, S1, Đ, D1, C3, P2, C8, C2, N4 trực tiếp thả tiền đánh bạc.

Hình thức đánh xóc đĩa như sau: Khi bắt đầu chơi, người xóc cái (Nông Văn H) sẽ để 04 quân vị trên đĩa rồi úp bát lên đĩa che quân vị lại, sau đó cầm cả đĩa và bát đã úp lên tiến hành xóc (gọi là xóc cái). Sau khi xóc cái xong, người xóc cái đặt bát, đĩa xuống chiếu (chưa mở bát) rồi những người chơi tiến hành đặt cược. Có hai cửa, một cửa chẵn và một cửa lẻ. Quy ước cửa chẵn là bên phía tay phải của người xóc cái, cửa lẻ là bên phía tay trái của người xóc cái. Cửa chẵn là cửa khi mở bát cho ra kết quả 4 quân vị cùng có màu đen hoặc 4 quân cùng có màu trắng hay 2 quân màu đen + 2 quân màu trắng. Cửa lẻ là trường hợp kết quả cho ra 1 quân màu trắng + 3 quân màu đen hoặc 1 quân màu đen + 3 quân màu trắng. Người chơi thích cửa nào thì đặt cược tiền vào cửa đó, khi mở bát kết quả cho ra cửa mà người chơi đặt cược thì được thắng tiền, kết quả cho ra cửa còn lại thì thua tiền. Khi thắng thì nhà cái sẽ trả tiền cho người chơi bằng với số tiền người chơi đã đặt cược (tỉ lệ thắng tiền là 01 ăn 01) nếu thua thì nhà cái sẽ thắng số tiền mà người chơi đã đặt cược. Ngoài ra, khi mọi người đặt cược xong, nếu nhà cái không thích cá cược cửa bên nào thì có quyền hô bán cửa bên đó cho người khác. Ví dụ: nhà cái không thích cá cược bên chẵn có thể hô “bán chẵn”, nếu có người mua thì người mua sẽ mở bát. Khi mở bát kết quả về chẵn thì nhà cái được ăn hết tiền bên lẻ, người mua phải trả tiền bên chẵn. Nếu kết quả về bên lẻ thì nhà cái phải trả hết tiền bên lẻ, người mua sẽ được ăn tiền bên chẵn. Và tương tự với việc nhà cái hô “bán lẻ”. Nếu nhà cái hô bán mà không ai mua thì mọi người rút tiền đã đặt cược về và xóc cái lại, chơi ván khác. Bên cạnh đó, người chơi có thể đặt cược vào tám bảng vị đặt trước mặt Vi Văn B (người cầm bảng vị). Bảng vị được làm từ một tấm bìa cát tông, có kẻ 04 ô, mỗi ô tương ứng với một cửa (vị), gồm: một cửa có 04 quân vị cùng màu đen (gọi là bốn đen); một cửa có 04 quân vị cùng màu trắng (gọi là bốn trắng); một cửa có 01 quân màu trắng + 3 quân màu đen (gọi là sấp 3), một cửa có 1 quân màu đen + 3 quân màu trắng (gọi là sấp 1). Khi so kết quả thắng thua vẫn so theo kết quả do Nông Văn H xóc cái. Tỉ lệ cá cược ở bảng vị như sau: Cửa 04 đen hoặc 04 trắng tỉ lệ cá cược là 01 ăn 10. Nghĩa là nếu người chơi đặt 100.000đ tiền cược vào cửa này mà kết quả khi mở bát đúng như người chơi đặt cược thì sẽ thắng tiền gấp 10 lần được 1.000.000đ (gồm cả tiền đã bỏ ra cược), nếu không về cửa như đặt cược thì thua chỉ

mất 100.000đ. Cửa sập 3 hoặc sập 1 thì tỉ lệ cá cược là 01 ăn 03. Nghĩa là nếu người chơi đặt 100.000đ tiền cược vào cửa này mà kết quả khi mở bát đúng như người chơi đặt cược thì sẽ thắng tiền gấp 03 lần được 300.000đ (gồm cả tiền đã bỏ ra cược), nếu không về cửa như đặt cược thì thua chỉ mất 100.000đ.

Số tiền các đối tượng mang theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau: Lầu Văn B1 trước khi đánh bạc có 1.600.000đ, bỏ 1.500.000đ ra để đánh bạc, còn 100.000đ để trong túi quần không sử dụng vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc để tiền trên chiếu bạc, khi bị bắt quả tang đang thua; Lục Văn Đ có 150.000đ sử dụng đánh bạc, quá trình đánh bạc thua hết tiền; Hoàng Văn S1 trước khi đánh bạc có 1.000.000đ sử dụng đánh bạc, quá trình đánh bạc thua mất 350.000đ, còn lại số tiền 650.000đ chưa kịp sử dụng đánh bạc thì bị bắt quả tang; Hoàng Văn C2 có 100.000đ sử dụng đánh bạc, khi C2 vừa thả tiền xuống chiếu để đánh bạc thì bị bắt quả tang; Hoàng Ngọc H2 trước khi đánh bạc có 1.500.000đ, H2 bỏ ra 500.000đ sử dụng để đánh bạc và bị thua hết, số tiền còn lại 1.000.000đ để trong túi quần không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Lãng Trung D1 có 40.000đ sử dụng để đánh bạc, quá trình đánh bạc đã thua hết; Nguyễn Văn C3 có 50.000đ sử dụng để đánh bạc, khi C3 vừa thả tiền xuống chiếu bạc để đánh bạc thì bị bắt quả tang; Lầu M có 100.000đ sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang P2 đang thua bạc; Hoàng Văn N4 có 100.000đ sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang N4 đang thua bạc.

Những người tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh L3 được thua bằng tiền gồm: Phùng Văn S3, Nông Văn M1, Vy Văn C6, Vi Văn C4, Vi Văn S4, Triệu Văn C5, Vi Văn Đ2, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn Q2. Các đối tượng nêu trên đánh bạc sát phạt nhau đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện L phối hợp với Công an xã B phát hiện bắt quả tang, tuy nhiên chỉ bắt giữ được Hoàng Ngọc H2, Vi Văn B, Lầu Văn B1, Lục Văn Đ, Hoàng Văn S1, Phùng Văn S3, các đối tượng còn lại bỏ chạy thoát. Thu giữ trên chiếu bạc đánh Xóc đĩa gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 06 quân vị bằng tre, 01 bảng vị, 01 áo phông màu đỏ vàng, số tiền 13.720.000đ; thu giữ trên chiếu bạc đánh liêng gồm: 49 quân bài tú lơ khơ (thiếu 9 bích, A cơ, 7 cơ), 02 chiếu cỏi, số tiền 430.000đ. Thu giữ trên người các đối tượng: Hoàng Ngọc H2: Số tiền 1.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, màu tím; Vi Văn B: Số tiền 695.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo; Hoàng Văn S1: Số tiền 650.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93, màu đen; Phùng Văn S3: 1.000.000đ; Lục Văn Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 7, màu đen; Lầu Văn B1: Số tiền 100.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đỏ đen.

Ngày 20/2/2024, 03/4/2024 và ngày 15/4/2024 Nông Văn H, Hoàng Văn C2, Triệu Văn C1, Hoàng Văn N4, Lãng Trung D1, Nguyễn Văn C3 lần lượt đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa, các bị cáo đều

thừa nhận hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Lầu Văn B1 nhất trí để số tiền thu giữ 100.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Bị cáo Hoàng Ngọc H2 xác định tự nguyện nộp số tiền 10.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn để đảm bảo thi hành án, bị cáo nhất trí dùng số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã được công bố tại phiên tòa.

Tại Bản Cáo trạng số 102/CT-VKS ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Nông Văn H, Vi Văn B, Triệu Văn C1, Lầu Văn B1, Lăng Trung D1, Hoàng Văn S1, Lục Văn Đ, Hoàng Văn C2, Hoàng Ngọc H2, Hoàng Văn N4, Lầu Mạnh P4, Nguyễn Văn C3 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa đã luận tội các bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn B từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Văn C1 từ 08 tháng đến 09 tháng tù về tội "Đánh bạc". nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Văn B1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Đánh bạc". nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã

B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

5. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lăng Trung D1 từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

6. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S1 từ 07 đến 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

7. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Văn Đ từ 06 đến 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

8. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C2 từ 06 đến 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

9. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc H2 từ 06 đến 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

10. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C3 từ 06 đến 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

11. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N4

từ 06 đến 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

12. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Mạnh P4 từ 06 đến 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.470.000 đồng (trong đó 13.720.000đ thu giữ trên chiếu bạc đánh xóc đĩa và 650.000 đồng do bị cáo S1 giao nộp và 100.000 đồng bị cáo B1 giao nộp, nhưng tự nguyện sung ngân sách nhà nước).

Trả lại bị cáo Vi Văn B số tiền 695.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh;

Lầu Văn B1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đỏ đen;

Hoàng Văn S1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93, màu đen; Lục Văn Đ:

01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI 7, màu đen nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu huỷ 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 06 quần vớ; 01 bảng vớ; 02 chiếu nhựa.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.200.000đ của Hoàng Ngọc H2 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn tại B lại số số 0002698 ngày 26 tháng 02 năm 2024 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTVQH buộc bị cáo Nông Văn H, Vi Văn B, Triệu Văn C1, Lầu Văn B1, Lăng Trung D1, Hoàng Ngọc H2, Hoàng Văn S1, Hoàng Văn C2, Hoàng Văn N4, Nguyễn Văn C3, Lục Văn Đ mỗi bị cáo chịu 200.000đ án phí HSST; Miễn án phí HSST cho bị cáo Lầu Mạnh P4.

Các bị cáo không có tranh luận gì với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Thực hiện lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện của bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy những người này đều đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tang vật chứng thu hồi được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: “Khoảng 19 giờ ngày 16/02/2024 tại Nhà văn hoá thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Nông Văn H, Vi Văn B, Triệu Văn C1, Lăng Trung D1, Lầu Văn B1, Lục Văn Đ, Hoàng Văn S1, Hoàng Văn C2, Hoàng Ngọc H2, Hoàng Văn N4, Lầu M, Nguyễn Văn C3 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Các đối tượng nêu trên đánh bạc đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện L phối hợp với Công an xã B bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tiền, công cụ sử dụng đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 14.370.000 đồng”.

[4] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây nên dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn khác trong xã hội. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rất rõ hành vi mà các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với mong muốn thu lời bất chính, sát phạt nhau về kinh tế, được thua bằng tiền. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có hình phạt thích đáng đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nông Văn H, Vi Văn B, Triệu Văn C1, Lục Văn Đ, Hoàng Văn S1, Hoàng Văn C2, Hoàng Ngọc H2, Nguyễn Văn C3, Hoàng Văn N4, Lầu M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình hình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nông Văn H, Hoàng Văn C2, Triệu Văn C1, Hoàng Văn N4, Lăng Trung D1, Nguyễn Văn C3 sau khi phạm tội ra đầu thú; bị cáo Lầu Mạnh P4 có cha, mẹ để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo Lầu Văn B1 là bí thư đoàn thanh niên thôn X có thành tích tích cực trong phòng chống covid, tích cực ủng hộ người nghèo tại địa phương, được tặng giấy khen của Hội nạn nhân chất độc da cam huyện L, do vậy các bị cáo Nông Văn H, Hoàng Văn C2, Triệu Văn C1, Hoàng Văn N4, Lăng Trung D1, Nguyễn Văn C3, Lầu Văn B1 và Lầu Mạnh P4 được hưởng tình hình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[8] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Nông Văn H giữ vai trò chính trong vụ án là người xóc cái, cùng Vi Văn B, Triệu Văn C1 góp tiền làm nhà cái, chuẩn bị bát đĩa, thu tiền bên thua trả tiền bên thắng ; Bị cáo Vi Văn B có vai trò thứ hai, bị cáo chuẩn bị 06 quân vị, cầm bảng vị, xem kết quả thắng thua thu tiền bên thua trả tiền bên thắng, tiếp theo là bị cáo Triệu Văn Chung chung tiền cùng với bị cáo H, bị cáo Lầu Văn B1 có số tiền tham gia đánh bạc lớn (1.500.000 đồng), tiếp sau đó là bị cáo Hoàng Văn S1, Hoàng Ngọc H2, Lục Văn Đ cuối cùng là các bị cáo có số tiền tham gia đánh bạc dưới 100.000 đồng là Hoàng Văn C2, Hoàng Văn N4, Lầu M, Nguyễn Văn C3 và Lăng Trung D1.

[9] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, việc các bị cáo phạm tội là đồng phạm giản đơn, bộc phát thực hiện hành vi phạm tội (xuất phát từ buổi thi đấu thể thao, nên các bị cáo bộc phát thực hiện hành vi đánh bạc), các bị cáo này đều đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo tham gia đánh bạc với mục đích trục lợi nên cần buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định. Riêng bị cáo Lầu Mạnh P4 thuộc diện hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo P4.

[11] Về những vấn đề khác:

Đối với Vi Văn C8 sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, hiện không xác định được C8 đang ở đâu. Ngày 22/6/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự, tách hành vi của Vi Văn C8 ra để điều tra trong một vụ án khác, đồng thời ra Quyết định truy nã số 950/QĐTN-ĐCSHS ngày 22/6/2024 đối với Vi Văn C8. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm hành vi của Vi Văn C8 theo quy định pháp luật.

Đối với Phùng Văn S3, Nông Văn M1, Vi Văn Đ2, Vy Văn C6, Vi Văn C4, Vi Văn S4, Triệu Văn C5, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn Q2 có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh L3 được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 1.430.000 đồng. Do những đối tượng này đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc hay Gá bạc do đó chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong Lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Công văn đề nghị Công an xã B xử phạt vi phạm hành chính đối với S3, M1, Đ2, C6, C4, S4, C5, L2, Q2 là có căn cứ. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng:

Ngày 29/02/2024 và 22/6/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: Trả lại cho Hoàng Ngọc H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, màu tím và số tiền 1.000.000 đồng; trả lại cho Nông Văn H 01 áo phông màu đỏ vàng; đối với Số tiền 430.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc đánh liêng; số tiền 1.000.000đ do Phùng Văn S3 giao nộp; 49 quân bài từ A đến K; 02 chiếu cói giao cho Công an xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang để phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Đối với số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc 14.370.000 đồng (trong đó 13.720.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc đánh xóc đĩa và 650.000.000 đồng do S1 giao nộp) và 100.000 đồng bị cáo B1 tự nguyện dùng để sung ngân sách nhà nước, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) bát sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 06 (sáu) quân vị bằng tre, một mặt đen, một mặt mu tre; 01 (một) bảng vị làm bằng bìa cát tông; 02 (hai) chiếu nhựa là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93, màu đen của Hoàng Văn S1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đỏ đen của Lầu Văn B1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh của Vi Văn B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 7, màu đen của Lục Văn Đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các điện thoại trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 10.200.000 đồng mà Hoàng Ngọc H2 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn thì cần trả lại bị cáo H2 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[13] Về án phí: Các bị cáo Nông Văn H, Vi Văn B, Triệu Văn C1, Lục Văn Đ, Hoàng Văn S1, Hoàng Văn C2, Hoàng Ngọc H2, Nguyễn Văn C3, Hoàng Văn N4, Lầu Văn B1, Lãng Trung D1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lầu Mạnh P4 thuộc hộ cận nghèo nên miễn cho bị cáo Lầu Mạnh P4 không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn H 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn B 11 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Văn C1 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện

L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Văn B1 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

5. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lăng Trung D1 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

6. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S1 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

7. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Văn Đ 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

8. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C2 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

9. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc H2 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

10. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn

C3 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

11. Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N4 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

12. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Mạnh P4 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Nông Văn H, Vi Văn B, Triệu Văn C1, Lầu Văn B1, Lãng Trung D1, Hoàng Văn S1, Lục Văn Đ, Hoàng Văn C2, Hoàng Ngọc H2, Hoàng Văn N4, Lầu M, Nguyễn Văn C3 thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.470.000 đồng (trong đó 13.720.000đ thu giữ trên chiếu bạc đánh xóc đĩa và 650.000 đồng do bị cáo S1 giao nộp và 100.000 đồng bị cáo B1 giao nộp, nhưng tự nguyện sung ngân sách nhà nước).

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bát sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 06 (sáu) quân vị bằng tre, một mặt đen, một mặt mu tre; 01 (một) bảng vị làm bằng bìa cát tông; 02 (hai) chiếu nhựa.

Trả lại Hoàng Văn S1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93, màu đen, có số IMEI: 86739705012831, số IMEI 2: 86739705012823 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại Lầu Văn B1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đỏ đen, có số IMEI: 865950048785877, số IMEI 2: 865950048785869 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại Lục Văn Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 7, màu đen, có số IMEI 1: 869541046843317, số IMEI 2: 869541046843325 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại Vi Văn B: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, có số IMEI: 865950049978174, số IMEI 2: 865950049978166 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Hoàng Ngọc H2: 10.200.000 đồng (Mười triệu, hai trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0002698 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo Lầu V1 bảo số tiền 100.000 đồng khi bị tạm giữ, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nông Văn H, Vi Văn B, Triệu Văn C1, Lục Văn Đ, Hoàng Văn S1, Hoàng Văn C2, Hoàng Ngọc H2, Nguyễn Văn C3, Hoàng Văn N4, Lầu Văn B1, Lãng Trung D1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lầu Mạnh P4.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Văn Thế